

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2023
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi
con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hạnh Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C:** Ông Trần Bảo Quốc- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân quận C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023; về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/5/2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị N**; sinh năm: 1988. Địa chỉ: Số 407 khu vực T1, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Tấn C**; sinh năm: 1986. Địa chỉ: Số 407 khu vực T1, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phạm Thị N cho rằng:

Bà và ông Nguyễn Tấn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2008, đến ngày 02/3/2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

Trong thời gian chung sống, cuộc sống kinh tế khó khăn, ông C không phụ giúp kinh tế để lo gia đình nên vợ chồng thường cự cãi nhau; ngoài ra, cách đây vài năm, ông C có quan hệ với người phụ nữ khác, không còn quan tâm đến vợ con, mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên vợ chồng đã ly thân khoảng hai năm nay. Nay bà nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này được nữa nên bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống các bên sau này.

Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Thúy A (nữ), sinh ngày 22/12/2008 và Nguyễn Hoàng L (nam), sinh ngày 22/02/2014.

Bà yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Tấn C vắng mặt.

Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy: bà N yêu cầu ly hôn, còn ông C mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến thể hiện mong muốn hàn gắn đoàn tụ lại; hơn nữa, từ khi ly thân đến nay vẫn không có động thái nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại; do đó, nhận thấy nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho bà N được ly hôn với ông C.

+ Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Thúy A (nữ), sinh ngày 22/12/2008 và Nguyễn Hoàng L (nam), sinh ngày 22/02/2014.

Bà N có yêu cầu nuôi hai con, còn ông C vắng mặt, không thể hiện nguyện vọng được nuôi con. Do đó, để ổn định về việc chăm sóc, giáo dục con, đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con cho bà N nuôi dưỡng.

Bà N không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị ghi nhận.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông C theo quy định pháp luật.

+ Về tài sản chung và nợ: bà N cho rằng không có, còn ông C vắng mặt và hiện tại chưa có ai nộp đơn yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ nên chưa giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Tấn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện; quá trình chung sống đã có hai con chung với nhau. Tuy nhiên, trong cuộc sống hôn nhân, giữa hai bên có sự bất đồng trong cách quản lý kinh tế và không tin tưởng về sự chung thủy của nhau nên không còn quan tâm, chăm sóc và tôn trọng lẫn nhau; lẽ ra, cả hai vợ chồng phải cùng nhau dung hòa những bất đồng này, nhường nhịn lẫn nhau và cùng nhau phát triển kinh tế gia đình để xây dựng hôn nhân tiến bộ và bền vững nhưng ông bà không làm được điều đó nên dẫn đến hôn nhân đổ vỡ là điều tất yếu. Nay bà N yêu cầu yêu cầu ly hôn, còn ông C mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến nào thể hiện có nguyện vọng hàn gắn đoàn tụ lại; bên cạnh đó, xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, ông C vẫn không có động thái nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại. Vì vậy, thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Tấn C là phù hợp.

[3] Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Thúy A (nữ), sinh ngày 22/12/2008 và Nguyễn Hoàng L (nam), sinh ngày 22/02/2014.

Bà N có yêu cầu nuôi hai con, còn ông C vắng mặt, không thể hiện nguyện vọng được nuôi con. Do đó, để ổn định về việc chăm sóc, giáo dục con nên Hội đồng xét xử giao hai con cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà N không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông C theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ: bà N cho rằng không có; còn ông C vắng mặt nên chưa làm rõ được; ngoài ra, do hiện tại chưa có ai nộp đơn yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ nên chưa giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà N phải chịu 300.000đ án phí tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị N.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** cho bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Tấn C.

2. **Về con chung:** có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Thúy A (nữ), sinh ngày 22/12/2008 và Nguyễn Hoàng L (nam), sinh ngày 22/02/2014. Giao hai con cho bà Phạm Thị N nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông Nguyễn Tấn C theo quy định pháp luật, không ai được ngăn cản.

3. **Về tài sản chung và nợ:** Chưa giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000đ án phí về tranh chấp hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0003010 ngày 20/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ. Bà N đã nộp xong án phí.

5. **Về quyền kháng cáo:**

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết đối với nguyên đơn và bị đơn; các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6. **Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự:** Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q. C;
- **UBND P. T, Q. C;**
- Chi cục T.H.A Q. C;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang